**Use case “Pay Order”**

1. **Mã usecase**

* UC001

1. **Mô tả nhanh**

* Usecase này mô tả tác động của khách hàng lên hệ thống khi khách hàng muốn thanh toán hóa đơn.

1. **Tác Nhân**

* Khách hàng (Customer).

1. **Tiền điều kiện**

* Hệ thống đã gửi tiền cần thanh toán cho khách hàng.

1. **Dòng sự kiện chỉnh**
2. Khách hàng nhấn nút hiển thj “Thanh toán” (Pay order).
3. Hệ thống hiển thị màn hình thanh toán.
4. Khách hàng nhập hình thức thanh toán và các thông tin cần thiết (thông tin thẻ) xong sau đó xác nhận giao dịch, gửi thông tin lên hệ thống.
5. Hệ thống xác nhận và chuyển lên InterBank để xử lý giao dịch.
6. Interbank xử lý giao dịch, xác nhân giao dịch thành công hay thất bại gửi về hệ thống.
7. Hệ thống lưu giao dịch vào lịch sử giao dịch.
8. **Dòng sự kiện thay thế**
9. **Dữ liệu đầu vào**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện | Ví dụ |
| 1 | Tên chủ thẻ |  | Có |  | NGUYEN VIET CHINH |
| 2 | Số thẻ |  | Có |  | 1234 5678 9101 1121 |
| 3 | Số căn cước công dân |  | Có |  | 1234 5678 8564 |
| 4 | Ngày cấp thẻ |  | Có | Gồm tháng và 2 số cuối của năm tưởng ứng. | 01/01 |
| 5 | Ngày hết hạn |  | Có | Gồm tháng và 2 số cuối của năm tưởng ứng. | 01/99 |
| 6 | Mã security |  | Có |  | 132456 |

1. **Dữ liệu đầu ra**
2. **Hậu điều kiện**